**BẢNG THUYẾT MINH, SO SÁNH**

**I. Sự cần thiết ban hành Thông tư**

**1. Cơ sở pháp lý**

- Luật Ngân hàng Nhà nước (NHNN) 2010 đã quy định nhiệm vụ, quyền hạn của NHNN trong hoạt động giám sát hệ thống thanh toán quốc gia, giám sát sự vận hành của các hệ thống thanh toán trong nền kinh tế” (khoản 16 Điều 4).

- Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của NHNN trong hoạt động giám sát như sau: “*Tổ chức, quản lý, vận hành và giám sát bảo đảm sự an toàn, hiệu quả của hệ thống thanh toán quốc gia, cung ứng dịch vụ thanh toán cho các ngân hàng; giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; tham gia tổ chức và giám sát sự vận hành của các hệ thống thanh toán trong nền kinh tế; quản lý các phương tiện thanh toán trong nền kinh tế*” (khoản 13 Điều 2).

- Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 101/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22/11/2012 về thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) - Nghị định thay thế Nghị định số 101 quy định như sau:

+ Trách nhiệm quản lý nhà nước của NHNN về hoạt động TTKDTM bao gồm: “*Tổ chức, quản lý, vận hành, giám sát hệ thống thanh toán quốc gia; tham gia tổ chức, giám sát sự vận hành của các hệ thống thanh toán quan trọng khác trong nền kinh tế; giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán và dịch vụ trung gian thanh toán*” (khoản 2 Điều 4).

+ Hoạt động giám sát của NHNN bao gồm: Giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng trong nền kinh tế; Giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (TGTT), trong đó quy định NHNN có trách nhiệm ban hành quy định về giám sát và thực hiện giám sát (Điều 33, Điều 35).

**2. Cơ sở thực tiễn**

Các hệ thống thanh toán đã trở thành một phần quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội hiện đại, là cơ sở hạ tầng của thị trường tài chính đóng vai trò kênh hiệu quả để truyền tải và thực thi chính sách tiền tệ, đồng thời là cơ sở hạ tầng để thực hiện các giao dịch thanh toán, tài chính. Trong đó, các hệ thống thanh toán quan trọng là bộ phận cốt lõi của thị trường tài chính mà các tổ chức vận hành, các thành viên tham gia có trách nhiệm thực hiện các biện pháp để đảm bảo hệ thống thanh toán hoạt động thông suốt, an toàn; việc một hệ thống thanh toán quan trọng không hoạt động thông suốt, ổn định (như sự kiện thành viên không thể chi trả các nghĩa vụ thanh toán đến hạn trong một hệ thống thanh toán quan trọng) có khả năng lan truyền rủi ro hệ thống tới toàn bộ thị trường tài chính. Do đó, hoạt động giám sát của NHNN để kịp thời đưa ra các cảnh báo, khuyến nghị nhằm đảm bảo an toàn, hiệu quả của các hệ thống thanh toán quan trọng rất cần thiết cho sự ổn định chung của toàn thị trường tài chính.

Bên cạnh đó, trong thời gian vừa qua, tại Việt Nam chứng kiến sự tham gia mạnh mẽ của các tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT vào quy trình cung ứng dịch vụ thanh toán cũng góp phần tạo sự đa dạng, thuận tiện của các dịch vụ cung ứng cho khách hàng. Các hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT phục vụ khách hàng sử dụng dịch vụ cuối cùng tuy không tạo ra rủi ro hệ thống tới toàn bộ thị trường tài chính nhưng cũng đặt ra những vấn đề về an toàn, an ninh trong lĩnh vực thanh toán. Trong bối cảnh tội phạm công nghệ cao diễn biến phức tạp đã đặt ra thách thức mới trong vấn đề tăng cường lòng tin của công chúng đối với dịch vụ, đảm bảo việc sử dụng dịch vụ an toàn, không bị lợi dụng cho các mục đích bất hợp pháp; bảo vệ người tiêu dùng… Các rủi ro này khi phát sinh rất dễ tác động đến dư luận, ảnh hưởng đến sự tin cậy của công chúng vào hệ thống ngân hàng. Điều này đòi hỏi các cơ quan quản lý cần thực hiện giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT nhằm góp phần đảm bảo tính tuân thủ trong cung ứng dịch vụ TGTT, góp phần đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thanh toán, bảo vệ người tiêu dùng.

**II. Mục đích, quan điểm xây dựng Thông tư**

Dự thảo Thông tư được nghiên cứu, xây dựng với các mục đích, quan điểm như sau:

- Đảm bảo phù hợp và kịp thời hướng dẫn các quy định mới về hoạt động giám sát của NHNN tại Nghị định thay thế Nghị định số 101.

- Tạo cơ sở pháp lý, đảm bảo tính khách quan, minh bạch cho hoạt động giám sát các hệ thống thanh toán và giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT, góp phần đảm bảo hoạt động thanh toán được diễn ra ổn định, an toàn, hiệu quả.

- Xây dựng các quy định về hoạt động giám sát của NHNN trên cơ sở đánh giá sự cần thiết và phù hợp với nguồn lực giám sát.

- Xây dựng các quy định về hoạt động giám sát của NHNN trên cơ sở kế thừa các quy định hợp lý, hiệu quả tại văn bản pháp luật hiện hành (Thông tư 20[[1]](#footnote-1), Thông tư 39[[2]](#footnote-2)); khắc phục hạn chế, vướng mắc tại các quy định hiện hành, bổ sung các nội dung cần thiết để đảm bảo mục tiêu giám sát.

**III. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Dự thảo Thông tư**

- Phạm vi điều chỉnh: Dự thảo Thông tư quy định về hoạt động giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng, hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT của tổ chức được NHNN cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT.

- Đối tượng áp dụng: Đơn vị giám sát; đơn vị vận hành Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia; các tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quan trọng; các tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng, hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT.

**IV. Bố cục Dự thảo Thông tư**

Dự thảo Thông tư dự kiến gồm 6 chương, 26 điều, cụ thể:

- Chương I: Quy định chung.

- Chương II: Giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng.

- Chương III: Giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT.

- Chương IV: Báo cáo, cung cấp thông tin.

- Chương V: Trách nhiệm của các bên có liên quan trong hoạt động giám sát.

- Chương VI: Điều khoản thi hành.

Ngoài ra, Dự thảo Thông tư còn bao gồm các Phụ lục quy định về mẫu biểu báo cáo và các chỉ tiêu số liệu báo cáo.

**IV. BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH CHI TIẾT**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Quy định hiện hành** | **Dự thảo Thông tư thay thế** | **Thuyết minh** |
| 1 | **Thông tư 20/2018/TT-NHNN**  **Quy định về giám sát các hệ thống thanh toán** | **Thông tư**  **Quy định về giám sát các hệ thống thanh toán, hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán** | Bổ sung cụm từ “*hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán*” để phù hợp với quy định về hoạt động giám sát của NHNN tại Luật NHNN và Nghị định thay thế Nghị định 101. |
| 2 | *Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*  *Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*  *Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*  *Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt và Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;*  *Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán;*  *Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về giám sát các hệ thống thanh toán.* | *Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*  *Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*  *Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*  *Căn cứ Nghị định số ..../..../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;*  *Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán;*  *Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về giám sát các hệ thống thanh toán, hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.* | Sửa đổi phù hợp với các văn bản đang có hiệu lực thi hành. |
|  | **Chương I**  **QUY ĐỊNH CHUNG**  **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Thông tư này quy định về hoạt động giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng. | **Chương I**  **QUY ĐỊNH CHUNG**  **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Thông tư này quy định về hoạt động giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng, hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán của tổ chức được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (sau đây gọi là tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán). | Bổ sung phạm vi giám sát bao gồm hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT của tổ chức được NHNN cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT để hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ giám sát của NHNN quy định tại Luật NHNN và Nghị định về TTKDTM. |
|  | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Các tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quan trọng.  2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Đơn vị giám sát  2. Các tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quan trọng.  3. Các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.  4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng, hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. | - Bổ sung đối tượng là Đơn vị giám sát do Dự thảo Thông tư quy định về các hoạt động của Đơn vị giám sát.  - Bổ sung các tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT để phù hợp với phạm vi điều chỉnh. |
|  | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. Hệ thống thanh toán là hệ thống bao gồm các phương tiện thanh toán, các quy định, quy trình, thủ tục, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, tổ chức vận hành và các thành viên tham gia để xử lý, bù trừ, quyết toán các giao dịch thanh toán phát sinh giữa các thành viên tham gia.  2. Hệ thống thanh toán quan trọng là hệ thống thanh toán có vai trò chủ đạo trong việc phục vụ nhu cầu thanh toán của các chủ thể trong nền kinh tế, có khả năng phát sinh rủi ro hệ thống, đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí sau:  a) Là hệ thống thanh toán duy nhất hoặc chiếm tỷ trọng lớn trên tổng giá trị thanh toán so với các hệ thống thanh toán cùng loại; hoặc  b) Là hệ thống xử lý các giao dịch thanh toán giá trị cao; hoặc  c) Là hệ thống được sử dụng để quyết toán cho các hệ thống thanh toán khác hoặc cho các giao dịch trên thị trường tài chính.  Các hệ thống thanh toán quan trọng quy định tại Thông tư này bao gồm: Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia; Hệ thống thanh toán ngoại tệ (do Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam vận hành); hệ thống thanh toán tiền giao dịch chứng khoán; hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính.  3. Tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quan trọng (sau đây gọi là tổ chức vận hành) là đơn vị trực tiếp vận hành hệ thống thanh toán quan trọng.  4. Ngân hàng quyết toán là ngân hàng mở tài khoản thanh toán cho các thành viên tham gia hệ thống thanh toán để thực hiện quyết toán các nghĩa vụ tài chính phát sinh giữa các thành viên này trong hệ thống thanh toán.  5. Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà một thành viên tham gia hệ thống thanh toán không thể thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính trong hệ thống thanh toán khi đến hạn, mặc dù có thể thực hiện nghĩa vụ đó vào một thời điểm trong tương lai.  6. Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một thành viên tham gia hệ thống thanh toán không thể thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính trong hệ thống thanh toán khi đến hạn và vào bất kỳ thời điểm nào trong tương lai.  7. Rủi ro hệ thống là rủi ro mà một thành viên tham gia hệ thống thanh toán không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong hệ thống thanh toán khi đến hạn dẫn đến việc các thành viên tham gia khác cũng không thể thực hiện nghĩa vụ tài chính khi đến hạn, có thể lan truyền rủi ro đến các hệ thống thanh toán khác.  8. Rủi ro quyết toán là rủi ro phát sinh khi việc quyết toán nghĩa vụ giữa các thành viên tham gia hệ thống thanh toán không được diễn ra hoặc diễn ra không đúng thời điểm được quy định tại quy trình quản lý, vận hành của hệ thống thanh toán.  9. Rủi ro vận hành là rủi ro phát sinh làm gián đoạn hoặc dừng hoạt động của hệ thống thanh toán do lỗi phần cứng, phần mềm, hệ thống đường truyền thông, do lỗi của con người hoặc do sự cố bên ngoài tác động.  10. Giám sát các hệ thống thanh toán là việc thực hiện theo dõi hoạt động của các hệ thống thanh toán, đánh giá các hệ thống thanh toán và đưa ra cảnh báo, khuyến nghị nếu cần thiết.  11. Đơn vị giám sát là đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) được giao nhiệm vụ giám sát các hệ thống thanh toán.  12. Thanh toán kèm thanh toán (payment versus payment - PVP) là cơ chế quyết toán trong hệ thống thanh toán ngoại tệ để đảm bảo việc chuyển một đồng tiền được diễn ra khi và chỉ khi một hoặc một số đồng tiền khác được chuyển trên cơ sở tỷ giá được các bên tham gia giao dịch thống nhất.  13. Thanh toán kèm chuyển giao (delivery versus payment - DVP) là cơ chế quyết toán trong các giao dịch chứng khoán để đảm bảo việc chuyển giao chứng khoán được diễn ra khi và chỉ khi việc chuyển tiền mua chứng khoán được thực hiện. | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. Các hệ thống thanh toán quan trọng quy định tại Thông tư này bao gồm: Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia; hệ thống thanh toán ngoại tệ (do Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam vận hành); hệ thống thanh toán tiền giao dịch chứng khoán; hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính.  2. Giám sát các hệ thống thanh toán là việc thực hiện theo dõi hoạt động của các hệ thống thanh toán, kiểm tra, đánh giá các hệ thống thanh toán và đưa ra cảnh báo, khuyến nghị nếu cần thiết.  3. Đơn vị vận hành Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia là đơn vị trực tiếp vận hành Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia.  4. Tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quan trọng (sau đây gọi là tổ chức vận hành) là tổ chức trực tiếp vận hành hệ thống thanh toán ngoại tệ; hệ thống thanh toán tiền giao dịch chứng khoán; hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính.  5. Ngân hàng quyết toán là ngân hàng mở tài khoản thanh toán cho các thành viên tham gia hệ thống thanh toán để thực hiện quyết toán các nghĩa vụ tài chính phát sinh giữa các thành viên này trong hệ thống thanh toán.  6. Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà một thành viên tham gia hệ thống thanh toán không thể thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính trong hệ thống thanh toán khi đến hạn, mặc dù có thể thực hiện nghĩa vụ đó vào một thời điểm trong tương lai.  7. Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một thành viên tham gia hệ thống thanh toán không thể thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính trong hệ thống thanh toán khi đến hạn và vào bất kỳ thời điểm nào trong tương lai.  8. Rủi ro quyết toán là rủi ro phát sinh khi việc quyết toán nghĩa vụ giữa các thành viên tham gia hệ thống thanh toán không được diễn ra hoặc diễn ra không đúng thời điểm được quy định tại quy trình quản lý, vận hành của hệ thống thanh toán.  9. Rủi ro vận hành là rủi ro phát sinh làm gián đoạn hoặc dừng hoạt động của hệ thống thanh toán do lỗi phần cứng, phần mềm, hệ thống đường truyền thông, do lỗi của con người hoặc do sự cố bên ngoài tác động.  (Khoản 2 Điều này)  (Khoản 13 Điều này)  10. Thanh toán kèm thanh toán ([payment versus payment](http://www.hkma.gov.hk/gdbook/eng/p/pay_versus_pay.shtml)- PVP) là cơ chế quyết toán trong hệ thống thanh toán ngoại tệ để đảm bảo việc chuyển một đồng tiền được diễn ra khi và chỉ khi một hoặc một số đồng tiền khác được chuyển trên cơ sở tỷ giá được các bên tham gia giao dịch thống nhất.  11. Thanh toán kèm chuyển giao (delivery versus payment - DVP) là cơ chế quyết toán trong các giao dịch chứng khoán để đảm bảo việc chuyển giao chứng khoán được diễn ra khi và chỉ khi việc chuyển tiền mua chứng khoán được thực hiện.  12. Giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán là việc thực hiện theo dõi hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, kiểm tra, đánh giá hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và đưa ra cảnh báo, khuyến nghị nếu cần thiết.  13. Đơn vị giám sát là đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được giao nhiệm vụ giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng, hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. | - Bỏ giải thích từ ngữ về hệ thống thanh toán, hệ thống thanh toán quan trọng, rủi ro hệ thống, do đã được quy định tại Nghị định thay thế Nghị định số 101.  - Giữ nội dung liệt kê về các hệ thống thanh toán quan trọng tại khoản 1 nhằm hướng dẫn nội dung “*NHNN xác định các hệ thống thanh toán quan trọng chịu sự giám sát của NHNN*” (khoản 2 Điều 33 Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 101).  - Bổ sung giải thích từ ngữ về đơn vị vận hành Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia (Hệ thống TTLNH) tại khoản 3 để đảm bảo thống nhất cách sử dụng từ ngữ giữa Dự thảo Thông tư này và Dự thảo Thông tư quy định về quản lý và sử dụngHệ thống TTLNH.  - Sửa đổi giải thích từ ngữ về tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quan trọng tại khoản 4, theo đó tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quan trọng là tổ chức trực tiếp vận hành hệ thống thanh toán ngoại tệ; hệ thống thanh toán tiền giao dịch chứng khoán; hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính, không bao gồm Hệ thống TTLNH.  - Bổ sung giải thích từ ngữ về “giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT” tại khoản 12 phù hợp với việc sửa đổi, bổ sung phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 Dự thảo Thông tư.  - Bổ sung nhiệm vụ “giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT” tại giải thích từ ngữ “Đơn vị giám sát” tại khoản 13, phù hợp với phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 Dự thảo Thông tư. |
|  | **Điều 5. Hoạt động giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng**  Đơn vị giám sát thực hiện giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng với những nội dung được quy định tại Chương II Thông tư này thông qua các hoạt động như sau:  1. Theo dõi hoạt động của hệ thống thanh toán quan trọng thông qua việc:  a) Thu thập tài liệu, thông tin, dữ liệu từ các nguồn sau:  (i) Các báo cáo theo quy định của pháp luật hiện hành về chế độ báo cáo, thống kê đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  (ii) Số liệu hoạt động của Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này được thu thập, khai thác từ các hệ thống thông tin có liên quan của Ngân hàng Nhà nước;  (iii) Các báo cáo khác của tổ chức vận hành theo quy định tại Điều 7 Thông tư này;  (iv) Báo cáo đánh giá Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này, được Đơn vị giám sát thực hiện 03 năm một lần;  (v) Công cụ, phần mềm giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng của Ngân hàng Nhà nước;  (vi) Tài liệu, thông tin, dữ liệu được thu thập thông qua hoạt động kiểm tra tại chỗ đối với tổ chức vận hành theo quy định tại Điều 6 Thông tư này;  (vii) Thông tin liên quan đến các hệ thống thanh toán quan trọng được phản ánh trên các phương tiện thông tin đại chúng;  (viii) Thông tin do các cơ quan có thẩm quyền khác cung cấp;  (ix) Thông tin phản hồi của các thành viên tham gia hệ thống thanh toán quan trọng và khách hàng sử dụng dịch vụ thanh toán;  (x) Các nguồn thông tin khác nhằm giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng;  b) So sánh, đối chiếu, kiểm tra tính chính xác của số liệu:  (i) So sánh, đối chiếu các tài liệu, thông tin, dữ liệu thu thập được với các dữ liệu lịch sử để phát hiện các trường hợp có biến động bất thường;  (ii) So sánh, đối chiếu tài liệu, thông tin, dữ liệu từ các nguồn khác nhau theo quy định tại điểm a khoản này nhằm đảm bảo tính nhất quán;  (iii) Nhận định, đánh giá về tính hợp lý của tài liệu, thông tin, dữ liệu, trường hợp phát hiện tài liệu, thông tin, dữ liệu thiếu, lỗi, sai hoặc không phù hợp, yêu cầu tổ chức vận hành báo cáo giải trình kịp thời và gửi lại thông tin chính xác;  c) Tổng hợp, phân tích các tài liệu, thông tin, dữ liệu được thu thập, so sánh, đối chiếu, kiểm tra theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này.  2. Đánh giá hệ thống thanh toán quan trọng  Căn cứ trên các tài liệu, thông tin, dữ liệu được thu thập theo quy định tại khoản 1 Điều này, Đơn vị giám sát thực hiện đánh giá đối với từng hệ thống thanh toán quan trọng và xây dựng báo cáo giám sát trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:  a) Báo cáo định kỳ quý, 6 tháng đầu năm, năm đối với Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia;  b) Báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm, năm đối với hệ thống thanh toán ngoại tệ, hệ thống thanh toán tiền giao dịch chứng khoán, hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính;  c) Báo cáo đột xuất về các rủi ro, sự cố phát sinh của các hệ thống thanh toán quan trọng.  3. Cảnh báo, khuyến nghị  Trường hợp Đơn vị giám sát phát hiện các vấn đề rủi ro tiềm ẩn có nguy cơ ảnh hưởng đến hoạt động an toàn, ổn định của hệ thống thanh toán quan trọng hoặc dẫn đến việc các tổ chức vận hành không tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan đến hệ thống thanh toán quan trọng, Đơn vị giám sát báo cáo, đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản cảnh báo, khuyến nghị đối với tổ chức vận hành. | **Điều 4. Hoạt động giám sát**  Đơn vị giám sát thực hiện giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng, hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thông qua các hoạt động:  1. Theo dõi hoạt động của các hệ thống thanh toán quan trọng, hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.  2. Kiểm tra tại chỗ.  3. Đánh giá hoạt động của hệ thống thanh toán quan trọng, hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.  4. Cảnh báo, khuyến nghị. | Bổ sung Điều 4 quy định tổng quát về các hoạt động giám sát. Về cơ bản, các hoạt động giám sát được giữ nguyên, tương tự quy định tại Thông tư 20.  Các hoạt động giám sát được chi tiết tại các Chương tương ứng về giám sát hệ thống thanh toán quan trọng và giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT. |
|  | **Điều 4. Mục tiêu giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng**  1. Đảm bảo tính an toàn, ổn định và hiệu quả của các hệ thống thanh toán quan trọng.  2. Đảm bảo việc tuân thủ quy định pháp luật có liên quan đến các hệ thống thanh toán quan trọng.  3. Phát hiện kịp thời và cảnh báo tổ chức vận hành nhằm giảm thiểu các rủi ro phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống thanh toán quan trọng.  4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng sử dụng dịch vụ thanh toán, tăng cường niềm tin của khách hàng vào các dịch vụ thanh toán. | **Chương II**  **GIÁM SÁT CÁC HỆ THỐNG THANH TOÁN QUAN TRỌNG** | Không quy định lại “*Mục tiêu giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng*” do mục tiêu giám sát đã được đề cập tại Luật NHNN như sau: “*Hoạt động của Ngân hàng Nhà nước nhằm ổn định giá trị đồng tiền; bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống các tổ chức tín dụng; bảo đảm sự an toàn, hiệu quả của hệ thống thanh toán quốc gia; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa*.” (khoản 1 Điều 4). |
|  | **Chương II**  **NỘI DUNG GIÁM SÁT CÁC HỆ THỐNG THANH TOÁN QUAN TRỌNG**  **Điều 8. Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia**  1. Tình hình hoạt động chung của Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia, bao gồm thông tin về thời gian hoạt động, tình hình thành viên tham gia, tình hình giao dịch thanh toán của từng dịch vụ được cung ứng (dịch vụ thanh toán giá trị cao, dịch vụ thanh toán giá trị thấp, dịch vụ thanh toán ngoại tệ, dịch vụ quyết toán ròng cho các hệ thống thanh toán khác).  2. Tình hình rủi ro phát sinh và quản trị rủi ro đối với rủi ro vận hành, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro quyết toán của Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia.  3. Việc tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến quản lý, vận hành Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia.  4. Những thay đổi trong hoạt động của Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia, bao gồm những thay đổi về tính năng của hệ thống, quy trình, thủ tục nội bộ của hệ thống.  **Điều 9. Hệ thống thanh toán ngoại tệ**  1. Tình hình hoạt động chung của hệ thống thanh toán ngoại tệ, bao gồm tình hình thành viên tham gia, tình hình giao dịch thanh toán.  2. Tình hình rủi ro phát sinh và quản trị rủi ro đối với rủi ro vận hành, rủi ro thanh khoản, rủi ro quyết toán của hệ thống thanh toán ngoại tệ.  3. Việc tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến quản lý, vận hành hệ thống thanh toán ngoại tệ.  4. Những thay đổi trong hoạt động của hệ thống thanh toán ngoại tệ, bao gồm những thay đổi về tính năng của hệ thống, quy trình, thủ tục nội bộ của hệ thống.  **Điều 10. Hệ thống thanh toán tiền giao dịch chứng khoán**  1. Tình hình hoạt động chung của hệ thống thanh toán tiền giao dịch chứng khoán, bao gồm tình hình thành viên tham gia, tình hình giao dịch thanh toán.  2. Tình hình rủi ro phát sinh và quản trị rủi ro đối với rủi ro vận hành, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro quyết toán của hệ thống thanh toán tiền giao dịch chứng khoán.  3. Việc tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến quản lý, vận hành hệ thống thanh toán tiền giao dịch chứng khoán.  4. Những thay đổi trong hoạt động của hệ thống thanh toán tiền giao dịch chứng khoán, bao gồm những thay đổi về tính năng của hệ thống, quy trình, thủ tục nội bộ của hệ thống.  **Điều 11. Hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính**  1. Tình hình hoạt động chung của hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính, bao gồm tình hình thành viên tham gia, tình hình giao dịch của từng dịch vụ được cung ứng.  2. Tình hình rủi ro phát sinh và quản trị rủi ro đối với rủi ro vận hành, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro quyết toán của hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính.  3. Việc tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến quản lý, vận hành hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính.  4. Những thay đổi trong hoạt động của hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính, bao gồm những thay đổi về tính năng của hệ thống, quy trình, thủ tục nội bộ của hệ thống. | **Điều 5. Nội dung giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng**  1. Tình hình hoạt động của hệ thống thanh toán quan trọng, bao gồm thông tin về thời gian hoạt động, tình hình thành viên tham gia, tình hình giao dịch qua hệ thống.  2. Hoạt động quản trị rủi ro của hệ thống thanh toán quan trọng.  3. Việc tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến quản lý, vận hành hệ thống thanh toán quan trọng.  4. Những thay đổi trong hoạt động của hệ thống thanh toán quan trọng, bao gồm những thay đổi về quy trình nghiệp vụ, quy chế thành viên của hệ thống. | Thông tư 20 quy định riêng nội dung giám sát đối với từng hệ thống thanh toán quan trọng, tuy nhiên, qua rà soát, các nội dung giám sát đối với từng hệ thống thanh toán quan trọng có sự tương đồng, tập trung vào 4 nội dung chính. Do đó, tại Dự thảo Thông tư kết cấu lại, quy định khái quát, tập trung nội dung giám sát đối với các hệ thống thanh toán quan trọng. Các nội dung giám sát vẫn đảm bảo kế thừa cơ bản các nội dung giám sát lớn được quy định tại Thông tư 20. |
|  | **Điều 5. Hoạt động giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng**  Đơn vị giám sát thực hiện giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng với những nội dung được quy định tại Chương II Thông tư này thông qua các hoạt động như sau:  1. Theo dõi hoạt động của hệ thống thanh toán quan trọng thông qua việc:  a) Thu thập tài liệu, thông tin, dữ liệu từ các nguồn sau:  (i) Các báo cáo theo quy định của pháp luật hiện hành về chế độ báo cáo, thống kê đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  (ii) Số liệu hoạt động của Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này được thu thập, khai thác từ các hệ thống thông tin có liên quan của Ngân hàng Nhà nước;  (iii) Các báo cáo của tổ chức vận hành theo quy định tại Điều 7 Thông tư này;  (iv) Báo cáo đánh giá Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này, được Đơn vị giám sát thực hiện 03 năm một lần;  (v) Công cụ, phần mềm giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng của Ngân hàng Nhà nước;  (vi) Tài liệu, thông tin, dữ liệu được thu thập thông qua hoạt động kiểm tra tại chỗ đối với tổ chức vận hành theo quy định tại Điều 6 Thông tư này;  (vii) Thông tin liên quan đến các hệ thống thanh toán quan trọng được phản ánh trên các phương tiện thông tin đại chúng;  (viii) Thông tin do các cơ quan có thẩm quyền khác cung cấp;  (ix) Thông tin phản hồi của các thành viên tham gia hệ thống thanh toán quan trọng và khách hàng sử dụng dịch vụ thanh toán;  (x) Các nguồn thông tin khác nhằm giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng;  b) So sánh, đối chiếu, kiểm tra tính chính xác của số liệu:  (i) So sánh, đối chiếu các tài liệu, thông tin, dữ liệu thu thập được với các dữ liệu lịch sử để phát hiện các trường hợp có biến động bất thường;  (ii) So sánh, đối chiếu tài liệu, thông tin, dữ liệu từ các nguồn khác nhau theo quy định tại điểm a khoản này nhằm đảm bảo tính nhất quán;  (iii) Nhận định, đánh giá về tính hợp lý của tài liệu, thông tin, dữ liệu, trường hợp phát hiện tài liệu, thông tin, dữ liệu thiếu, lỗi, sai hoặc không phù hợp, yêu cầu tổ chức vận hành báo cáo giải trình kịp thời và gửi lại thông tin chính xác;  c) Tổng hợp, phân tích các tài liệu, thông tin, dữ liệu được thu thập, so sánh, đối chiếu, kiểm tra theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này. | **Điều 6. Theo dõi hoạt động của hệ thống thanh toán quan trọng**  Đơn vị giám sát thực hiện theo dõi hoạt động của hệ thống thanh toán quan trọng thông qua việc:  1. Thu thập tài liệu, thông tin, dữ liệu hoạt động của hệ thống thanh toán quan trọng từ các nguồn tài liệu, thông tin, dữ liệu sau:  a) Số liệu hoạt động của Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này được thu thập, khai thác từ các hệ thống thông tin có liên quan của Ngân hàng Nhà nước; thông báo của đơn vị vận hành Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này;  b) Các báo cáo theo quy định của pháp luật hiện hành về chế độ báo cáo, thống kê đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  c) Các báo cáo, thông tin cung cấp của tổ chức vận hành theo quy định tại khoản 3 Điều 8, khoản 1 Điều 16 Thông tư này;  d) Tài liệu, thông tin, dữ liệu được thu thập thông qua hoạt động kiểm tra tại chỗ theo quy định tại Điều 7 Thông tư này;  đ) Tài liệu, thông tin, dữ liệu được thu thập thông qua công cụ, phần mềm giám sát trực tuyến đối với hoạt động của hệ thống thanh toán quan trọng theo yêu cầu thực tế giám sát.  e) Thông tin phản ánh của các thành viên tham gia hệ thống thanh toán quan trọng, khách hàng sử dụng dịch vụ thanh toán;  g) Thông tin liên quan đến các hệ thống thanh toán quan trọng do các cơ quan có thẩm quyền khác cung cấp;  h) Thông tin liên quan đến các hệ thống thanh toán quan trọng được phản ánh trên các phương tiện thông tin đại chúng;  i) Các nguồn thông tin khác phục vụ công tác giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng do Đơn vị giám sát yêu cầu hoặc Đơn vị giám sát trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức vận hành cung cấp.  2. Đơn vị giám sát thực hiện xử lý, cập nhật, tổng hợp tài liệu, thông tin, dữ liệu như sau:  a) So sánh, đối chiếu các tài liệu, thông tin, dữ liệu thu thập được với các dữ liệu lịch sử để phát hiện các trường hợp có biến động bất thường;  b) So sánh, đối chiếu tài liệu, thông tin, dữ liệu từ các nguồn khác nhau nhằm đảm bảo tính nhất quán;  c) Nhận định, đánh giá về tính hợp lý của tài liệu, thông tin, dữ liệu, trường hợp phát hiện tài liệu, thông tin, dữ liệu thiếu, lỗi, sai hoặc không phù hợp, yêu cầu tổ chức vận hành, đơn vị vận hành Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia báo cáo giải trình kịp thời và gửi lại thông tin chính xác;  d) Tổng hợp, phân tích các tài liệu, thông tin, dữ liệu được thu thập, so sánh, đối chiếu, kiểm tra. | - Kế thừa các nội dung quy định tại Thông tư 20.  - Bỏ “*Báo cáo đánh giá Hệ thống TTLNH*” trong các nguồn thông tin do đây là báo cáo do Đơn vị giám sát tự thực hiện, không phải thu thập. |
|  | **Điều 6. Kiểm tra tại chỗ**  1. Đơn vị giám sát trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chủ trương thành lập đoàn kiểm tra để tiến hành kiểm tra tại địa điểm làm việc của tổ chức vận hành trong trường hợp Đơn vị giám sát phát hiện tài liệu, thông tin, dữ liệu do tổ chức vận hành cung cấp bị thiếu, lỗi, sai hoặc không phù hợp nhưng chưa khắc phục hoặc phát hiện những vấn đề có liên quan đến rủi ro cần thu thập thêm tài liệu, thông tin, dữ liệu.  2. Tùy theo nội dung và tính chất vụ việc, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định thành phần, thời hạn làm việc của đoàn kiểm tra.  3. Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản tới tổ chức vận hành ít nhất trước 05 ngày làm việc, trong đó nêu rõ nội dung, thời gian, địa điểm và thành phần tham gia đoàn kiểm tra.  4. Tổ chức vận hành phải chuẩn bị đầy đủ nội dung phục vụ việc kiểm tra; cung cấp tài liệu, thông tin, dữ liệu báo cáo và quyền truy cập vào hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ việc kiểm tra; giải trình, làm rõ các nội dung thông tin, báo cáo khi có yêu cầu.  5. Đoàn kiểm tra tiến hành lập biên bản làm việc và ký xác nhận giữa đại diện đoàn kiểm tra và tổ chức vận hành.  6. Đoàn kiểm tra báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước kết quả kiểm tra trong vòng 30 ngày làm việc kể từ khi kết thúc việc kiểm tra. | **Điều 7. Kiểm tra tại chỗ**  1. Đơn vị giám sát trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chủ trương thành lập đoàn kiểm tra để tiến hành kiểm tra tại địa điểm làm việc của tổ chức vận hành trong trường hợp Đơn vị giám sát phát hiện tài liệu, thông tin, dữ liệu do tổ chức vận hành cung cấp bị thiếu, lỗi, sai hoặc không phù hợp nhưng chưa khắc phục hoặc phát hiện những vấn đề có liên quan đến rủi ro cần thu thập thêm tài liệu, thông tin, dữ liệu.  2. Tùy theo nội dung và tính chất vụ việc, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định thành phần, thời hạn làm việc của đoàn kiểm tra.  3. Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản tới tổ chức vận hành về việc kiểm tra tại chỗ, việc thông báo được thực hiện trước ngày Ngân hàng Nhà nước kiểm tra tại địa điểm làm việc của đối tượng kiểm tra ít nhất 05 ngày làm việc, trong đó nêu rõ nội dung, thời gian, địa điểm và thành phần tham gia đoàn kiểm tra.  4. Tổ chức vận hành phải chuẩn bị đầy đủ nội dung phục vụ việc kiểm tra; cung cấp tài liệu, thông tin, dữ liệu báo cáo và quyền truy cập vào hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ việc kiểm tra; giải trình, làm rõ các nội dung thông tin, báo cáo khi có yêu cầu.  5. Đoàn kiểm tra tiến hành lập biên bản làm việc về kết quả kiểm tra và ký xác nhận giữa đại diện đoàn kiểm tra và tổ chức vận hành.  6. Đoàn kiểm tra báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước kết quả kiểm tra trong vòng 30 ngày làm việc kể từ khi kết thúc việc kiểm tra. | Giữ nguyên quy định. |
|  | **Điều 5. Hoạt động giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng**  2. Đánh giá hệ thống thanh toán quan trọng  Căn cứ trên các tài liệu, thông tin, dữ liệu được thu thập theo quy định tại khoản 1 Điều này, Đơn vị giám sát thực hiện đánh giá đối với từng hệ thống thanh toán quan trọng và xây dựng báo cáo giám sát trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:  a) Báo cáo định kỳ quý, 6 tháng đầu năm, năm đối với Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia;  b) Báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm, năm đối với hệ thống thanh toán ngoại tệ, hệ thống thanh toán tiền giao dịch chứng khoán, hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính;  c) Báo cáo đột xuất về các rủi ro, sự cố phát sinh của các hệ thống thanh toán quan trọng. | **Điều 8. Đánh giá hệ thống thanh toán quan trọng**  1. Căn cứ trên các tài liệu, thông tin, dữ liệu được thu thập theo quy định tại Điều 6, Đơn vị giám sát xây dựng báo cáo giám sát trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:  a) Báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm, năm đối với Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia; hệ thống thanh toán ngoại tệ; hệ thống thanh toán tiền giao dịch chứng khoán; hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính;  b) Báo cáo đột xuất về các rủi ro, sự cố phát sinh của các hệ thống thanh toán quan trọng.2. Đơn vị giám sát thực hiện Báo cáo đánh giá Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia theo các nội dung tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này 03 năm một lần.  3. Tổ chức vận hành thực hiện Báo cáo đánh giá hệ thống thanh toán theo Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này, báo cáo này được thực hiện 03 năm một lần theo phương pháp thực hiện, các tiêu chuẩn áp dụng và phương thức, thời hạn gửi báo cáo được quy định trong văn bản yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước. | – Về trách nhiệm xây dựng báo cáo giám sát: Về cơ bản giữ nguyên các báo cáo do Đơn vị giám sát thực hiện, tuy nhiên điều chỉnh bỏ báo cáo định kỳ quý đối với Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng do Đơn vị giám sát đã thực hiện báo cáo thường xuyên số liệu hoạt động của Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng, và báo cáo đột xuất khi xảy ra các sự cố liên quan đến Hệ thống, theo đó, đã cơ bản đảm bảo việc cập nhật các thông tin quan trọng về Hệ thống.  - Khoản 3 bổ sung nội dung NHNN hướng dẫn phương thức báo cáo trong văn bản yêu cầu tổ chức vận hành đánh giá hệ thống thanh toán do mình vận hành. |
|  | **Điều 5. Hoạt động giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng**  3. Cảnh báo, khuyến nghị  Trường hợp Đơn vị giám sát phát hiện các vấn đề rủi ro tiềm ẩn có nguy cơ ảnh hưởng đến hoạt động an toàn, ổn định của hệ thống thanh toán quan trọng hoặc dẫn đến việc các tổ chức vận hành không tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan đến hệ thống thanh toán quan trọng, Đơn vị giám sát báo cáo, đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản cảnh báo, khuyến nghị đối với tổ chức vận hành. | **Điều 9. Cảnh báo, khuyến nghị trong hoạt động giám sát hệ thống thanh toán quan trọng**  Trường hợp Đơn vị giám sát phát hiện các vấn đề rủi ro tiềm ẩn có nguy cơ ảnh hưởng đến hoạt động an toàn, an ninh của hệ thống thanh toán quan trọng hoặc dẫn đến việc các tổ chức vận hành không tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan đến hệ thống thanh toán quan trọng, Đơn vị giám sát báo cáo, đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản cảnh báo, khuyến nghị đối với tổ chức vận hành. | Giữ nguyên quy định. |
|  |  | **Chương III**  **GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ TRUNG GIAN THANH TOÁN** | Thông tư 20 không có quy định về giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT; Thông tư 39 có một số quy định để thực hiện giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT. Do đó, Dự thảo Thông tư quy định về giám sát đối với các hệ thống thanh toán quan trọng và hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT để hoạt động giám sát của NHNN được quy định tập trung, thống nhất. |
|  |  | **Điều 10. Nội dung giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán**  1. Việc tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.  2. Hoạt động quản trị rủi ro trong cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán bao gồm xây dựng chính sách, quy trình quản lý rủi ro và hoạt động triển khai. | Bổ sung quy định về nội dung giám sát để làm cơ sở cho việc quy định các hoạt động giám sát. |
|  |  | **Điều 11. Theo dõi hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán**  Đơn vị giám sát thực hiện theo dõi hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thông qua việc:  1. Thu thập tài liệu, thông tin, dữ liệu hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán từ các nguồn tài liệu, thông tin, dữ liệu sau:  a) Các báo cáo theo quy định của pháp luật hiện hành về chế độ báo cáo thống kê đối với tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, ngân hàng hợp tác cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;  b) Các báo cáo, thông tin cung cấp của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán quy định tại Điều 17 Thông tư này;  c) Các báo cáo, thông tin cung cấp của ngân hàng hợp tác cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán quy định tại Điều 18 Thông tư này;  d) Tài liệu, thông tin, dữ liệu được thu thập thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra theo quy định pháp luật;  đ) Tài liệu, thông tin, dữ liệu được thu thập thông qua công cụ giám sát được quy định tại khoản 3 Điều 20 Thông tư này;  e) Thông tin phản ánh của khách hàng sử dụng dịch vụ trung gian thanh toán;  g) Thông tin do các cơ quan có thẩm quyền khác cung cấp;  h) Thông tin liên quan đến các hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được phản ánh trên các phương tiện thông tin đại chúng;  i) Các nguồn thông tin khác phục vụ công tác giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán do Đơn vị giám sát yêu cầu tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, ngân hàng hợp tác cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cung cấp.  2. Đơn vị giám sát thực hiện xử lý, cập nhật, tổng hợp tài liệu, thông tin, dữ liệu như sau:  a) So sánh, đối chiếu các tài liệu, thông tin, dữ liệu thu thập được với các dữ liệu lịch sử để phát hiện các trường hợp có biến động bất thường;  b) So sánh, đối chiếu tài liệu, thông tin, dữ liệu từ các nguồn khác nhau nhằm đảm bảo tính nhất quán;  c) Nhận định, đánh giá về tính hợp lý của tài liệu, thông tin, dữ liệu, trường hợp phát hiện tài liệu, thông tin, dữ liệu thiếu, lỗi, sai hoặc không phù hợp, yêu cầu tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán báo cáo giải trình kịp thời và gửi lại thông tin chính xác;  d) Tổng hợp, phân tích các tài liệu, thông tin, dữ liệu được thu thập, so sánh, đối chiếu, kiểm tra. | Quy định chi tiết về các hoạt động giám sát (quy định tại Điều 4 Dự thảo Thông tư) đối với hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT.  Về cơ bản nội dung vẫn kế thừa từ quy định tại Thông tư 20 |
|  |  | **Điều 12. Kiểm tra tại chỗ hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán**  1. Đơn vị giám sát thực hiện kiểm tra tại địa điểm làm việc của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo kế hoạch kiểm tra hàng năm của Ngân hàng Nhà nước hoặc đột xuất trong trên cơ sở yêu cầu quản lý và tình hình thực tế hoặc trên cơ sở yêu cầu, đề nghị, phản ánh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, của tổ chức, cá nhân hoặc khi có yêu cầu, chỉ đạo của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.  2. Trình tự, thủ tục kiểm tra và xử lý kết quả kiểm tra, kiến nghị sau kiểm tra thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hoạt động kiểm tra.  3. Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ nội dung phục vụ việc kiểm tra; cung cấp tài liệu, thông tin, dữ liệu báo cáo và quyền truy cập vào hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ việc kiểm tra; giải trình, làm rõ các nội dung thông tin, báo cáo khi có yêu cầu và các trách nhiệm khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hoạt động kiểm tra. | - Bổ sung quy định chi tiết về các hoạt động giám sát (quy định tại Điều 4 Dự thảo Thông tư) đối với hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT.  - Hoạt động kiểm tra tại chỗ được thực hiện theo Thông tư 17/2023/TT-NHNN quy định về kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật về tiền tệ và ngân hàng của NHNN |
|  |  | **Điều 13. Đánh giá hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán**  Căn cứ trên các tài liệu, thông tin, dữ liệu được thu thập theo quy định tại Điều 11 và Điều 12, Đơn vị giám sát thực hiện đánh giá đối với hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và xây dựng báo cáo giám sát trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:  1. Báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm, năm đối với hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.  2. Báo cáo đột xuất về các rủi ro, sự cố phát sinh liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. | - Bổ sung quy định chi tiết về các hoạt động giám sát (quy định tại Điều 4 Dự thảo Thông tư) đối với hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT.  - Các báo cáo được coi là một trong những sản phẩm đầu ra của hoạt động giám sát. |
|  |  | **Điều 14. Cảnh báo, khuyến nghị**  Trường hợp Đơn vị giám sát phát hiện các vấn đề rủi ro có nguy cơ ảnh hưởng đến hoạt động an toàn, an ninh trong lĩnh vực thanh toán hoặc dẫn đến việc không tuân thủ các quy định pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, Đơn vị giám sát báo cáo, đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản cảnh báo, khuyến nghị đối với tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. | - Bổ sung quy định chi tiết về các hoạt động giám sát (quy định tại Điều 4 Dự thảo Thông tư) đối với hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT. |
|  | **Thông tư 20**  **Điều 7. Báo cáo, cung cấp thông tin**  1. e) Phương thức báo cáo quy định tại điểm a và điểm b khoản này như sau:  (i) Báo cáo điện tử thể hiện dưới dạng tệp (file) dữ liệu điện tử được truyền qua mạng máy tính hoặc gửi qua vật mang tin, có chữ ký điện tử của người đại diện hợp pháp của tổ chức báo cáo theo đúng ký hiệu, mã truyền tin, cấu trúc tệp do Ngân hàng Nhà nước quy định;  (ii) Báo cáo bằng văn bản (giấy) trong trường hợp không thực hiện được báo cáo thông qua hệ thống báo cáo điện tử, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của tổ chức báo cáo;  g) Định kỳ và thời hạn báo cáo quy định tại điểm a và điểm b khoản này như sau:  (i) Kỳ báo cáo ngày được xác định theo ngày làm việc; các tổ chức vận hành gửi báo cáo chậm nhất vào 14 giờ ngày làm việc tiếp theo ngay sau kỳ báo cáo;  (ii) Kỳ báo cáo tháng được tính từ ngày đầu tiên đến ngày cuối cùng của tháng; các tổ chức vận hành gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 12 của tháng tiếp theo ngay sau kỳ báo cáo;  (iii) Kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6; các tổ chức vận hành gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 15 của tháng tiếp theo ngay sau kỳ báo cáo;  (iv) Kỳ báo cáo năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12; các tổ chức vận hành gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu năm tiếp theo ngay sau kỳ báo cáo.  **Thông tư 39**  **Điều 16. Báo cáo, cung cấp thông tin**  1. đ) Phương thức báo cáo:  (i) Báo cáo điện tử thể hiện dưới dạng tệp (file) dữ liệu điện tử được truyền qua mạng máy tính hoặc gửi qua vật mang tin, có chữ ký điện tử của người đại diện hợp pháp của tổ chức báo cáo theo đúng ký hiệu, mã truyền tin, cấu trúc tệp do Ngân hàng Nhà nước quy định;  (ii) Báo cáo bằng văn bản (giấy) trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Ngân hàng Nhà nước (Vụ Thanh toán) trong trường hợp không thực hiện được báo cáo thông qua hệ thống báo cáo điện tử, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của tổ chức báo cáo;  e) Định kỳ và thời hạn của báo cáo quy định tại điểm a khoản này như sau:  (i) Kỳ báo cáo quý được tính từ ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý (tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chỉ thực hiện báo cáo Quý I, II và III); thời hạn nộp báo cáo chậm nhất là ngày 05 của tháng đầu tiên quý tiếp theo;  (ii) Kỳ báo cáo năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12; thời hạn gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu năm tiếp theo ngay sau kỳ báo cáo. | **Chương IV**  **BÁO CÁO, CUNG CẤP THÔNG TIN**  **Điều 15. Phương thức, định kỳ và thời hạn báo cáo**  1. Phương thức báo cáo quy định như sau:  Báo cáo điện tử thể hiện dưới dạng tệp (file) dữ liệu điện tử được truyền qua mạng máy tính hoặc gửi qua vật mang tin, có chữ ký điện tử của người đại diện hợp pháp của tổ chức báo cáo theo đúng ký hiệu, mã truyền tin, cấu trúc tệp do Ngân hàng Nhà nước quy định.  2. Định kỳ và thời hạn báo cáo như sau:  a) Kỳ báo cáo ngày được xác định từ 0h - 24h của 01 ngày; thời hạn gửi báo cáo chậm nhất vào 14 giờ ngày làm việc tiếp theo ngay sau kỳ báo cáo;  b) Kỳ báo cáo tháng được tính từ ngày đầu tiên đến ngày cuối cùng của tháng, thời hạn gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 12 của tháng tiếp theo ngay sau kỳ báo cáo;  c) Kỳ báo cáo quý được tính từ ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý, thời hạn gửi báo cáo chậm nhất là ngày 15 của tháng đầu tiên quý tiếp theo;  d) Kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6, thời hạn gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 20 của tháng tiếp theo ngay sau kỳ báo cáo;  đ) Kỳ báo cáo năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12, thời hạn gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 20 của tháng 01 năm tiếp theo ngay sau kỳ báo cáo. | - Tách quy định về phương thức, định kỳ và thời hạn báo cáo thành điều riêng để đảm bảo tính rõ ràng, hạn chế các tiểu mục. Các quy định này áp dụng chung cho cả đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH, tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quan trọng và tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT.  - Khoản 1 chỉ quy định một phương thức báo cáo điện tử để đảm bảo thực hiện chính sách điện tử hóa chế độ báo cáo, đồng thời việc gửi báo cáo trên hệ thống báo cáo điện tử sẽ giúp quá trình phân tích, khai thác báo cáo được tự động hóa, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý dữ liệu giám sát.  - Khoản 2: Định kỳ và thời hạn báo cáo được quy định rõ ràng, hợp lý tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện của tổ chức báo cáo.  Trong đó, thời hạn báo cáo Quý, 6 tháng đầu năm và năm có điều chỉnh (kéo dài hơn) so với quy định tại Thông tư 20 và Thông tư 39 để đảm bảo tính khả thi, nâng cao chất lượng báo cáo, đồng thời thống nhất với thời hạn báo cáo tại dự thảo Thông tư quy định về chế độ báo cáo thống kê (NHNN đang nghiên cứu, hoàn thiện). |
|  | **Thông tư 20**  **Điều 7. Báo cáo, cung cấp thông tin**  1. Tổ chức vận hành hệ thống thanh toán ngoại tệ, hệ thống thanh toán tiền giao dịch chứng khoán, hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước về hệ thống thanh toán do mình vận hành như sau:  a) Báo cáo số liệu hoạt động của hệ thống thanh toán ngoại tệ, hệ thống thanh toán tiền giao dịch chứng khoán, hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;  b) Báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm, năm về tình hình vận hành hệ thống thanh toán quan trọng theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;  c) Thông báo cho Đơn vị giám sát ngay sau khi phát hiện sự cố gây gián đoạn hoạt động của hệ thống thanh toán quá 30 phút để nắm bắt và theo dõi tình hình xử lý sự cố; gửi thông báo sự cố theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày khắc phục xong sự cố;  d) Báo cáo đánh giá hệ thống thanh toán theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này, báo cáo này được thực hiện 03 năm một lần theo phương pháp thực hiện, các tiêu chuẩn áp dụng và thời hạn gửi báo cáo được quy định trong văn bản yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước;  đ) Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến những thay đổi về tính năng của hệ thống thanh toán, các quy trình, thủ tục nội bộ của hệ thống thanh toán trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi có sự thay đổi;  2. Tổ chức vận hành Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia có trách nhiệm cung cấp thông tin như sau:  a) Thông báo cho Đơn vị giám sát ngay sau khi phát hiện sự cố gây gián đoạn hoạt động của Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia quá 30 phút để nắm bắt và theo dõi tình hình xử lý sự cố; gửi thông báo sự cố theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày khắc phục xong sự cố;  b) Xây dựng công cụ, phần mềm để Đơn vị giám sát thực hiện truy cập từ xa vào Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia nhằm theo dõi trực tuyến hoạt động của Hệ thống này trên nguyên tắc đảm bảo tính an toàn, bảo mật thông tin và không làm gián đoạn, ảnh hưởng đến tốc độ xử lý của Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia, trong đó:  (i) Cho phép truy cập đầy đủ danh sách và thông tin cơ bản của các thành viên tham gia Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia;  (ii) Cho phép giám sát tình trạng hoạt động của Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia;  (iii) Cho phép truy cập thông tin cảnh báo về các hoạt động bất thường của Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia;  (iv) Cho phép truy cập thông tin về tình hình thanh khoản của từng thành viên tham gia, bao gồm thông tin về số dư tài khoản thanh toán, hạn mức nợ ròng, hạn mức thấu chi của các thành viên tham gia, các thành viên tham gia có dấu hiệu gặp khó khăn thanh khoản (có giao dịch chưa được xử lý do thiếu số dư, thiếu hụt khả năng thanh toán trong quyết toán bù trừ, có giao dịch bị hủy cuối ngày do thiếu số dư), các thành viên tham gia phát sinh yêu cầu hỗ trợ thanh khoản. | **Điều 16. Báo cáo, cung cấp thông tin của tổ chức vận hành, đơn vị vận hành Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia**  1. Tổ chức vận hành có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước về hệ thống thanh toán do mình vận hành như sau:  a) Báo cáo số liệu hoạt động của hệ thống thanh toán theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;  b) Báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm, năm về tình hình vận hành hệ thống thanh toán quan trọng theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;  c) Báo cáo cho Đơn vị giám sát ngay sau khi phát hiện sự cố gây gián đoạn hoạt động của hệ thống thanh toán quan trọng quá 30 phút qua địa chỉ thư điện tử gshttt\_vtt@sbv.gov.vn để nắm bắt và theo dõi tình hình xử lý sự cố; gửi thông báo sự cố theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày khắc phục xong sự cố;  d) Báo cáo đánh giá hệ thống thanh toán theo Phụ lục VIII theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này;  đ) Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến những thay đổi về quy trình nghiệp vụ; chính sách, quy trình quản lý rủi ro; quy chế thành viên của hệ thống thanh toán quan trọng trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi có sự thay đổi.  2. Đơn vị vận hành Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia có trách nhiệm thông báo cho Đơn vị giám sát ngay sau khi phát hiện sự cố gây gián đoạn hoạt động của Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia quá 30 phút qua địa chỉ thư điện tử gshttt\_vtt@sbv.gov.vn để nắm bắt và theo dõi tình hình xử lý sự cố; cung cấp thông tin về sự cố bao gồm các nội dung: thời điểm xảy ra sự cố, mô tả sự cố, nguyên nhân xảy ra sự cố, khoảng thời gian xảy ra sự cố, các biện pháp xử lý, khắc phục (trong đó nêu thời điểm hoàn thành khắc phục) trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày khắc phục xong sự cố. | - Giữ nguyên các báo cáo cần thực hiện của tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quan trọng theo quy định tại Thông tư 20.  - Sửa “thông báo sự cố” thành “báo cáo sự cố” tại điểm c khoản 1 để đưa về đúng tính chất báo cáo với chế độ báo cáo đột xuất, đồng thời bổ sung phương thức thông báo qua địa chỉ email của Đơn vị giám sát.  - Điều chỉnh quy định về trách nhiệm thông báo sự cố của Đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH tại Điều 2, trong đó quy định trực tiếp các nội dung cần cung cấp cho Đơn vị giám sát sau khi hoàn thành khắc phục sự cố để phù hợp với đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH - là một đơn vị của NHNN (Thông tư 20 quy định mẫu báo cáo tại Phụ lục V áp dụng chung cho các hệ thống thanh toán).  - Bỏ quy định về trách nhiệm xây dựng công cụ, phần mềm để Đơn vị giám sát thực hiện truy cập từ xa vào Hệ thống TTLNH tại Điều này; nội dung này chuyển xuống quy định về trách nhiệm của Cục Công nghệ thông tin (đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH). |
|  | **Thông tư 39**  **Điều 16. Báo cáo, cung cấp thông tin**  1. Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước như sau:  a) Báo cáo tình hình hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán định kỳ hàng quý, năm theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;  b) Thông tin tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Ví điện tử trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng/thỏa thuận hợp tác cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán với ngân hàng hợp tác, mở và sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Ví điện tử, bao gồm:  (i) Số hiệu tài khoản, ngày mở tài khoản, ngân hàng mở và quản lý tài khoản;  (ii) Bản sao hợp đồng/thỏa thuận hợp tác cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán với ngân hàng hợp tác, mở và sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Ví điện tử;  c) Báo cáo tình hình rủi ro gian lận, giả mạo qua địa chỉ thư điện tử tt@sbv.gov.vn trong vòng 24 giờ kể từ khi phát hiện các vụ việc liên quan đến rủi ro gian lận, giả mạo gây thiệt hại về tài chính cho khách hàng sử dụng dịch vụ trung gian thanh toán và gửi báo cáo bằng văn bản (giấy) hoặc điện tử theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi có báo cáo qua thư điện tử cho Ngân hàng Nhà nước;  d) Báo cáo sự cố khi phát hiện sự cố gây gián đoạn hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán quá 2 giờ qua địa chỉ thư điện tử tt@sbv.gov.vn trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự cố và gửi báo cáo bằng văn bản (giấy) hoặc điện tử theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này trong vòng 03 ngày sau khi hoàn thành khắc phục sự cố. Quy định này không áp dụng đối với các trường hợp phải thực hiện thông báo sự cố theo quy định tại Thông tư số 20/2018/TT-NHNN ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về giám sát các hệ thống thanh toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có); | **Điều 17. Báo cáo, cung cấp thông tin của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán**  Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước như sau:  1. Báo cáo tình hình hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán định kỳ hàng quý (báo cáo Quý I, II và III), năm theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.  2. Thông tin tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Ví điện tử trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng hợp tác cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán với ngân hàng hợp tác, mở và sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Ví điện tử, bao gồm:  a) Số hiệu tài khoản, ngày mở tài khoản, ngân hàng mở và quản lý tài khoản;  b) Bản sao hợp đồng hợp tác cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán với ngân hàng hợp tác, mở và sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Ví điện tử.  3. Báo cáo sự cố khi phát hiện sự cố gây gián đoạn hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán quá 2 giờ qua địa chỉ thư điện tử gshttt\_vtt @sbv.gov.vn trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự cố và gửi báo cáo điện tử theo Phụ lục số V ban hành kèm theo Thông tư này trong vòng 02 ngày làm việc sau khi hoàn thành khắc phục sự cố. Quy định này không áp dụng đối với các trường hợp phải thực hiện báo cáo sự cố theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 Thông tư này.  4. Báo cáo tình hình rủi ro gian lận, giả mạo qua địa chỉ thư điện tử gshttt\_vtt@sbv.gov.vn trong vòng 24 giờ kể từ khi phát hiện các vụ việc liên quan đến rủi ro gian lận, giả mạo gây thiệt hại về tài chính cho khách hàng sử dụng dịch vụ trung gian thanh toán với số tiền giao dịch phát sinh lớn hơn hoặc bằng 25 triệu đồng và gửi báo cáo điện tử theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi có báo cáo qua thư điện tử cho Ngân hàng Nhà nước.  5. Báo cáo tổng số lượng và tổng số dư Ví điện tử theo từng loại Ví đã phát hành, Ví đã đóng, Ví đã kích hoạt và Ví đang hoạt động tại thời điểm truy cập hiển thị trênqua công cụ, phần mềm giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán do Ngân hàng Nhà nước xây dựng.  6. Báo cáo danh sách các Ví điện tử có dấu hiệu gian lận, giả mạo theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước qua công cụ, phần mềm giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán do Ngân hàng Nhà nước xây dựng.  7. Cung cấp danh sách khách hàng mở và sử dụng Ví điện tử theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước qua công cụ, phần mềm giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán do Ngân hàng Nhà nước xây dựng.  8. Cung cấp các thông tin để phục vụ công tác giám sát khác quy định tại điểm i khoản 1 Điều 11 theo hướng dẫn của Đơn vị giám sát hoặc qua công cụ, phần mềm giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán do Ngân hàng Nhà nước xây dựng. | - Giữ nguyên các báo cáo tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT cần thực hiện theo quy định tại Thông tư 39.  - Điều chỉnh cụm từ “Hợp đồng/thỏa thuận hợp tác” thành “Hợp đồng hợp tác” do Dự thảo Thông tư hướng dẫn về dịch vụ TGTT quy định Ngân hàng và tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT ký “hợp đồng”, không sử dụng cụm từ “thỏa thuận hợp tác”.  - Quy định trách nhiệm báo cáo tổng số lượng, tổng số dư Ví điện tử trên công cụ giám sát do NHNN xây dựng. Trách nhiệm này đã được quy định tại Thông tư 39 về việc cung cấp công cụ giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ VĐT cho NHNN (Khoản 7 Điều 9), tuy nhiên, NHNN sẽ xây dựng hệ thống thông tin - công cụ, phần mềm giám sát cho phép các tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT báo cáo các thông tin một cách trực tuyến, do đó cần thiết điều chỉnh quy định thành tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT có trách nhiệm báo cáo các thông tin trên hệ thống thông tin - công cụ, phần mềm do NHNN xây dựng.  - Bổ sung trách nhiệm danh sách các Ví điện tử có dấu hiệu gian lận, giả mạo nhằm tăng cường công tác phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động lợi dụng dịch vụ TGTT cho các hành vi bất hợp pháp.  - Bổ sung trách nhiệm cung cấp thông tin danh sách mở và sử dụng Ví điện tử theo hướng dẫn của NHNN.  - Bổ sung trách nhiệm cung cấp thông tin do Đơn vị giám sát yêu cầu để đảm bảo tính linh hoạt trong quá trình giám sát. |
|  |  | **Điều 18. Báo cáo, cung cấp thông tin của ngân hàng hợp tác cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán**  Ngân hàng hợp tác cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước như sau:  1. Báo cáo tình hình hợp tác với các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo các chỉ tiêu cơ bản quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này; việc báo cáo theo các chỉ tiêu này được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về chế độ báo cáo thống kê.  2. Cung cấp thông tin về số dư tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Ví điện tử của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán mở tại ngân hàng hiển thị trênqua công cụ, phần mềm giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán do Ngân hàng Nhà nước xây dựng.  3. Cung cấp các thông tin để phục vụ công tác giám sát khác quy định tại điểm i khoản 1 Điều 11 theo hướng dẫn của Đơn vị giám sát hoặc qua công cụ, phần mềm giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán do Ngân hàng Nhà nước xây dựng. | Bổ sung quy định về trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin của các ngân hàng hợp tác với các tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT để có nguồn thông tin đối chiếu dữ liệu, nhằm tăng cường mức độ tin cậy, chính xác số liệu của hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT. |
|  | **Thông tư 20**  **Điều 12. Trách nhiệm của Vụ Thanh toán**  1. Thực hiện trách nhiệm của Đơn vị giám sát đối với các hệ thống thanh toán quan trọng theo quy định tại Thông tư này.  2. Phối hợp với Cục Công nghệ thông tin xây dựng hệ thống báo cáo điện tử để tiếp nhận, tổng hợp, khai thác và lưu trữ các số liệu báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này.  3. Phối hợp với Cục Công nghệ thông tin xây dựng công cụ để thu thập, khai thác số liệu hoạt động của Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này từ các hệ thống thông tin có liên quan của Ngân hàng Nhà nước.  4. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước văn bản yêu cầu tổ chức vận hành hệ thống thanh toán ngoại tệ, hệ thống thanh toán tiền giao dịch chứng khoán, hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính thực hiện báo cáo đánh giá hệ thống thanh toán quan trọng.  5. Đầu mối, phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước xây dựng báo cáo đánh giá Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia theo quy định tại điểm a (iv) khoản 1 Điều 5 Thông tư này.  6. Cung cấp thông tin cho Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng khi phát hiện dấu hiệu vi phạm hoặc hành vi vi phạm quy định pháp luật về việc tổ chức, vận hành hệ thống thanh toán quan trọng của tổ chức vận hành.    **Thông tư 39**  **Điều 18. Vụ Thanh toán**  7. Phối hợp với Cục Công nghệ thông tin xây dựng hệ thống báo cáo điện tử để tiếp nhận, tổng hợp, khai thác và lưu trữ các số liệu báo cáo theo quy định tại Điều 16 Thông tư này.  8. Cung cấp thông tin cho Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khi phát hiện dấu hiệu vi phạm hoặc hành vi vi phạm quy định pháp luật về việc cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.  9. Đầu mối, phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong công tác kiểm tra việc tuân thủ các quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. | **Chương V**  **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT**  **Điều 19. Trách nhiệm của Vụ Thanh toán**  1. Thực hiện trách nhiệm của Đơn vị giám sát theo quy định tại Thông tư này.  2. Phối hợp với Cục Công nghệ thông tin xây dựng hệ thống báo cáo điện tử để tiếp nhận, tổng hợp, khai thác và lưu trữ các số liệu, thông tin báo cáo theo quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 Thông tư này.  3. Phối hợp với Cục Công nghệ thông tin xây dựng công cụ, phần mềm giám sát trực tuyến đối với hoạt động của hệ thống thanh toán quan trọng, hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo yêu cầu thực tế giám sát.  4. Cung cấp thông tin cho Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, tỉnh thành phố khi phát hiện dấu hiệu vi phạm hoặc hành vi vi phạm quy định pháp luật về việc tổ chức, vận hành hệ thống thanh toán quan trọng; hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. | - Điều chỉnh các quy định dẫn chiếu, đảm bảo phù hợp với các quy định tại Dự thảo Thông tư.  - Bổ sung trách nhiệm phối hợp với Cục Công nghệ thông tin xây dựng công cụ, phần mềm giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT (khoản 3).  - Bỏ trách nhiệm xây dựng Báo cáo đánh giá Hệ thống TTLNH, do đây là một trong các trách nhiệm của Đơn vị giám sát được quy định tại các Điều trên.  - Bổ sung trách nhiệm cung cấp thông tin cho NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, do NHNN chi nhánh, tỉnh thành phố là đơn vị có trách nhiệm thanh tra, xử lý vi phạm các tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT trên địa bàn quản lý (khoản 4). |
|  | **Thông tư 20**  **Điều 13. Trách nhiệm của Cục Công nghệ thông tin**  1. Thông báo kết quả cho Vụ Thanh toán trong trường hợp thực hiện kiểm tra, theo dõi việc thực hiện và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành liên quan tới điều kiện hạ tầng kỹ thuật của các tổ chức vận hành, việc đảm bảo an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin phục vụ việc vận hành hệ thống thanh toán quan trọng.  2. Phối hợp với Vụ Thanh toán tiến hành kiểm tra tại chỗ đối với tổ chức vận hành hệ thống thanh toán ngoại tệ, hệ thống thanh toán tiền giao dịch chứng khoán, hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính khi có yêu cầu.  3. Đầu mối, phối hợp với Vụ Thanh toán xây dựng và duy trì hoạt động của hệ thống báo cáo điện tử để tiếp nhận, tổng hợp, khai thác và lưu trữ các số liệu báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này.  4. Đầu mối, phối hợp với Vụ Thanh toán xây dựng công cụ để thu thập, khai thác số liệu hoạt động của Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này từ các hệ thống thông tin có liên quan của Ngân hàng Nhà nước.  5. Phối hợp với Vụ Thanh toán và các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước xây dựng báo cáo đánh giá Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Thông tư này.  6. Cung cấp thông tin về Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này.  **Thông tư 39**  **Điều 19. Cục Công nghệ tin học**  4. Phối hợp với tổ chức cung ứng dịch vụ Ví điện tử và Vụ Thanh toán trong việc trang bị công cụ để giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ Ví điện tử theo quy định tại khoản 7 Điều 9 Thông tư này.  5. Đầu mối, phối hợp với Vụ Thanh toán xây dựng và duy trì hoạt động của hệ thống báo cáo điện tử để tiếp nhận, tổng hợp, khai thác và lưu trữ các số liệu báo cáo theo quy định tại Điều 16 Thông tư này.  **Thông tư 39**  **Điều 9. Hoạt động cung ứng Ví điện tử**  7. Tổ chức cung ứng dịch vụ Ví điện tử phải cung cấp công cụ để Ngân hàng Nhà nước giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ Ví điện tử. Công cụ giám sát phải đảm bảo:  a) Cho phép giám sát tổng số lượng Ví điện tử (đã phát hành, đã kích hoạt và đang hoạt động), tổng số dư Ví điện tử của tất cả khách hàng tại thời điểm truy cập công cụ giám sát;  b) Cho phép giám sát tổng số dư tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Ví điện tử, thông tin của từng tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Ví điện tử mở tại các ngân hàng hợp tác, bao gồm tên tài khoản, số hiệu tài khoản, số dư tại thời điểm truy cập công cụ giám sát;  c) Cho phép khai thác số liệu theo kỳ báo cáo tháng (tính từ ngày 01 của tháng đến ngày cuối cùng của tháng) vào chậm nhất là ngày 05 tháng tiếp theo, bao gồm:  (i) Tổng số lượng và tổng số dư Ví điện tử (đã phát hành, đã kích hoạt và đang hoạt động) vào cuối ngày của ngày cuối cùng của kỳ báo cáo; tổng số lượng và tổng giá trị giao dịch nạp tiền, giao dịch rút tiền, giao dịch thanh toán và các giao dịch khác của Ví điện tử được thống kê theo từng ngày trong tháng;  (ii) Tổng số lượng giao dịch bên Nợ, tổng giá trị giao dịch bên Nợ, tổng số lượng giao dịch bên Có, tổng giá trị giao dịch bên Có của tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Ví điện tử được thống kê theo từng ngày trong tháng;  (iii) Thông tin về 10 Ví điện tử có số lượng giao dịch nhiều nhất và 10 Ví điện tử có giá trị giao dịch cao nhất theo từng đối tượng khách hàng (đơn vị chấp nhận thanh toán; khách hàng cá nhân, khách hàng tổ chức nhưng không bao gồm cá nhân, tổ chức là đơn vị chấp nhận thanh toán) bao gồm số dư đầu kỳ, số dư cuối kỳ; tổng số lượng và tổng giá trị giao dịch nạp tiền, rút tiền theo từng ngân hàng liên kết; tổng số lượng và tổng giá trị giao dịch thanh toán, chuyển tiền; tổng số lượng và tổng giá trị các giao dịch khác nếu có (chỉ thống kê các giao dịch do hệ thống xử lý thành công). Số lượng Ví điện tử cần báo cáo có thể thay đổi theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước. | **Điều 20. Trách nhiệm của Cục Công nghệ thông tin**  1. Thực hiện trách nhiệm của đơn vị vận hành Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia quy định tại Thông tư này.  2. Đầu mối xây dựng và duy trì công cụ, phần mềm để Đơn vị giám sát thực hiện truy cập từ xa vào Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia nhằm theo dõi trực tuyến hoạt động của Hệ thống này trên nguyên tắc đảm bảo tính an toàn, bảo mật thông tin và không làm gián đoạn, ảnh hưởng đến tốc độ xử lý của Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia, trong đó:  a) Cho phép truy cập đầy đủ danh sách và thông tin cơ bản của các thành viên tham gia Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia;  b) Cho phép giám sát tình trạng hoạt động của Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia;  c) Cho phép truy cập thông tin cảnh báo về các hoạt động bất thường của Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia;  d) Cho phép truy cập thông tin về tình hình thanh khoản của từng thành viên tham gia, bao gồm thông tin về số dư tài khoản thanh toán, hạn mức nợ ròng, hạn mức thấu chi của các thành viên tham gia, các thành viên tham gia có dấu hiệu gặp khó khăn thanh khoản (có giao dịch chưa được xử lý do thiếu số dư, thiếu hụt khả năng thanh toán trong quyết toán bù trừ, có giao dịch bị hủy cuối ngày do thiếu số dư), các thành viên tham gia phát sinh yêu cầu hỗ trợ thanh khoản.  3. Đầu mối, phối hợp với Đơn vị giám sát, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, ngân hàng hợp tác cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán xây dựng và duy trì công cụ, phần mềm giám sát trực tuyến đối với hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, trong đó:  a) Cho phép truy vấn thông tin tổng số lượng và tổng số dư Ví điện tử theo từng loại Ví đã phát hành, Ví đã đóng, Ví đã kích hoạt và Ví đang hoạt động của tổ chức cung ứng dịch vụ Ví điện tử tại thời điểm truy cập qua công cụ, phần mềm giám sát;  b) Cho phép truy vấn thông tin số dư tài khoản đảm bảo thanh toán cho hoạt động cung ứng dịch vụ Ví điện tử của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán mở tại ngân hàng hợp tác cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;  c) Cho phép truy vấn danh sách các Ví điện tử có dấu hiệu gian lận, giả mạo theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;  d) Cho phép truy cập danh sách mở và sử dụng Ví điện tử theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;  đ) Cho phép truy cập các thông tin để phục vụ công tác giám sát do tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, ngân hàng hợp tác cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cung cấp theo quy định tại khoản 8 Điều 17, khoản 3 Điều 18.  4. Đầu mối, phối hợp với Đơn vị giám sát xây dựng và duy trì công cụ, phần mềm giám sát trực tuyến đối với hoạt động của hệ thống thanh toán ngoại tệ; hệ thống thanh toán tiền giao dịch chứng khoán; hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính theo yêu cầu thực tế giám sát.  5. Đầu mối, phối hợp với Đơn vị giám sát xây dựng và duy trì hoạt động của hệ thống báo cáo điện tử để tiếp nhận, tổng hợp, khai thác và lưu trữ các số liệu báo cáo theo quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 Thông tư này.  6. Thông báo kết quả cho Đơn vị giám sát trong trường hợp thực hiện kiểm tra, theo dõi việc thực hiện và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành liên quan tới điều kiện hạ tầng kỹ thuật của các tổ chức vận hành, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, việc đảm bảo an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin phục vụ việc vận hành hệ thống thanh toán quan trọng, hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.  7. Phối hợp với Đơn vị giám sát tiến hành kiểm tra tại chỗ đối với tổ chức vận hành, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.  8. Phối hợp với Đơn vị giám sát và các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước xây dựng báo cáo đánh giá Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này. | - Điều chỉnh “Vụ Thanh toán” thành “Đơn vị giám sát” do đây là trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin trong hoạt động giám sát.  - Về cơ bản kế thừa quy định tại Thông tư 20 và Thông tư 39. Tuy nhiên, bổ sung trách nhiệm xây dựng công cụ giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT của Cục CNTT tạo cơ sở cho hoạt động giám sát được thực hiện hiệu quả với nguồn dữ liệu tức thời (real-time) thông qua phương thức điện tử, tránh xử lý thủ công. Tuy nhiên có một số điều chỉnh về công cụ giám sát quy định tại Thông tư 39 như sau:  + Lược bớt yêu cầu báo cáo tháng hiển thị trên công cụ giám sát.  + Bổ sung việc công cụ, phần mềm giám sát cho phép tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT báo cáo danh sách các Ví điện tử có dấu hiệu gian lận, giả mạo theo hướng dẫn của NHNN và cung cấp danh sách khách hàng mở, sử dụng Ví điện tử theo hướng dẫn của NHNN để phục vụ cho công tác giám sát, góp phần phòng, chống việc lợi dụng dịch vụ TGTT cho các hoạt động bất hợp pháp. |
|  | **Thông tư 20**  **Điều 14. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng**  1. Cung cấp cho Đơn vị giám sát danh sách các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên tham gia hệ thống thanh toán quan trọng bị áp dụng can thiệp sớm hoặc có quyết định đặt vào kiểm soát đặc biệt.  2. Tiếp nhận thông tin do Vụ Thanh toán cung cấp theo quy định tại khoản 6 Điều 12 và xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.  3. Phối hợp với Vụ Thanh toán tiến hành kiểm tra tại chỗ đối với tổ chức vận hành khi có yêu cầu.  **Thông tư 39**  **Điều 20. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng**  1. Tiếp nhận thông tin do Vụ Thanh toán cung cấp theo quy định tại khoản 8 Điều 18 và xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.  3. Phối hợp với Vụ Thanh toán, Cục Công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra việc tuân thủ các quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. | **Điều 21. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng**  1. Cung cấp cho Đơn vị giám sát danh sách các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên tham gia hệ thống thanh toán quan trọng bị áp dụng can thiệp sớm hoặc có quyết định đặt vào kiểm soát đặc biệt.  2. Phối hợp với Đơn vị giám sát tiến hành kiểm tra tại chỗ đối với tổ chức vận hành, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.  3. Tiếp nhận thông tin do Đơn vị giám sát cung cấp theo quy định tại khoản 4 Điều 19 và xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.  4. Cung cấp cho Đơn vị giám sát kết luận thanh tra, kiểm tra đối với tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán do Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng tiến hành thanh tra, kiểm tra. | - Sửa đổi trách nhiệm phối hợp tiến hành kiểm tra tại chỗ đối với tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT, đảm bảo phù hợp với quy định tại Dự thảo Thông tư.  - Bổ sung trách nhiệm cung cấp kết quả thanh tra, kiểm tra do kết quả thanh tra là một nguồn thông tin để thực hiện hoạt động giám sát. |
|  | **Thông tư 39**  **Điều 20b. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**  2. Tiếp nhận thông tin do Vụ Thanh toán cung cấp theo quy định tại khoản 8 Điều 18 và xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.  3. Phối hợp với Vụ Thanh toán trong công tác kiểm tra việc tuân thủ các quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. | **Điều 22. Trách nhiệm của Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**  1. Phối hợp với Đơn vị giám sát tiến hành kiểm tra tại chỗ đối với tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.  2. Tiếp nhận thông tin do Đơn vị giám sát cung cấp theo quy định tại khoản 4 Điều 19 và xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.  3. Cung cấp cho Đơn vị giám sát kết luận thanh tra, kiểm tra đối với tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán do Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tiến hành thanh tra, kiểm tra. | - Sửa đổi trách nhiệm phối hợp tiến hành kiểm tra tại chỗ đối với tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT, đảm bảo phù hợp với quy định tại Dự thảo Thông tư.  - Bổ sung trách nhiệm cung cấp kết quả thanh tra, kiểm tra do kết quả thanh tra, kiểm tra là một nguồn thông tin để thực hiện hoạt động giám sát. |
|  | **Thông tư 20**  **Điều 15. Trách nhiệm của tổ chức vận hành hệ thống thanh toán ngoại tệ, hệ thống thanh toán tiền giao dịch chứng khoán, hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính**  1. Thực hiện các trách nhiệm của tổ chức vận hành quy định tại Thông tư này.  2. Phối hợp với Đơn vị giám sát xây dựng công cụ, phần mềm giám sát trực tuyến chung theo yêu cầu thực tế giám sát của Ngân hàng Nhà nước khi có yêu cầu.  3. Cử cán bộ đầu mối chịu trách nhiệm phối hợp với Đơn vị giám sát trong việc báo cáo, cung cấp thông tin và xử lý các rủi ro, sự cố phát sinh; thông báo kịp thời cho Đơn vị giám sát khi có sự thay đổi về cán bộ đầu mối này.  4. Triển khai thực hiện các khuyến nghị của Ngân hàng Nhà nước và báo cáo việc thực hiện cho Đơn vị giám sát. | **Điều 23. Trách nhiệm của tổ chức vận hành**  1. Thực hiện các trách nhiệm của tổ chức vận hành quy định tại Thông tư này.  2. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước xây dựng công cụ, phần mềm giám sát trực tuyến theo yêu cầu thực tế giám sát của Ngân hàng Nhà nước khi có yêu cầu.  3. Triển khai thực hiện các khuyến nghị của Ngân hàng Nhà nước và báo cáo việc thực hiện cho Đơn vị giám sát. | - Bỏ trách nhiệm cử đầu mối được quy định tại khoản 3 Điều 15 Thông tư 20, việc cử đầu mối cung cấp thông tin cho Đơn vị giám sát được thực hiện theo yêu cầu của Đơn vị giám sát theo hình thức công văn, không cần phải quy định tại văn bản pháp lý. |
|  |  | **Điều 24. Trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán**  1. Thực hiện các trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán quy định tại Thông tư này.  2. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước để xây dựng công cụ, phần mềm để Đơn vị giám sát thực hiện giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Thông tư này.  3. Triển khai thực hiện các khuyến nghị của Ngân hàng Nhà nước và báo cáo việc thực hiện cho Đơn vị giám sát. | - Bổ sung mới quy định trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán liên quan đến hoạt động giám sát. |
|  | **Điều 16. Hiệu lực thi hành**  Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2019. | **Chương VI**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**  **Điều 25. Hiệu lực thi hành**  1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 20…  2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Thông tư số 20/2018/TT-NHNN ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về giám sát hệ thống thanh toán, khoản 10 Điều 1 Thông tư số 14/2019/TT-NHNN ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước hết hiệu lực. | Bổ sung nội dung về việc hết hiệu lực của Thông tư 20. |
|  | **Điều 17. Tổ chức thực hiện**  Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thanh toán, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quan trọng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./. | **Điều 26. Tổ chức thực hiện**  Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thanh toán, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức vận hành hệ thống thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./. | - Bổ sung thêm tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT.  - NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố là một trong các đơn vị thuộc NHNN, do đó bỏ cụm từ “Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố”. |

1. Thông tư 20/2018/TT-NHNN ngày 30/8/2023 của Thống đốc NHNN quy định về giám sát các hệ thống thanh toán (đã được sửa đổi, bổ sung). [↑](#footnote-ref-1)
2. Thông tư 39/2014/TT-NHNN ngày 12/11/2014 của Thống đốc NHNN quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT (đã được sửa đổi, bổ sung): Một số điều, khoản tại Thông tư 39 có quy định nội dung để giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT (khoản 7 Điều 9, Điều 16). [↑](#footnote-ref-2)